

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

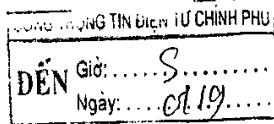
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28 /2016/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 30 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chuẩn đối với chức danh Trưởng phòng,
Phó Trưởng phòng và các chức danh tương đương thuộc sở, ban, ngành tỉnh;
Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Cà Mau**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19/02/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 252/TTr-SNV ngày 01/6/2016 và Báo cáo thẩm định số 165/BC-STP ngày 27/5/2016 của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định tiêu chuẩn đối với chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và các chức danh tương đương thuộc sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Cà Mau".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2016 và thay thế Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 13/8/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định về tiêu chuẩn đối với chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và các chức danh tương đương thuộc các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PGT-UBND tỉnh (VIC);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- NC (H) 28/6;
- Chuyên viên các khối (VIC);
- Lưu: VT. Tr 44/8.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Hải

QUY ĐỊNH

**Tiêu chuẩn đối với chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng
và các chức danh tương đương thuộc sở, ban, ngành tỉnh;
Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Cà Mau**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số : 28 /2016/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và các chức danh tương đương thuộc sở, ban, ngành tỉnh; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và các chức danh tương đương thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, gồm:

- a) Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc sở, ban, ngành tỉnh;
- b) Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- c) Cấp trưởng, cấp phó các đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Trường hợp các chức danh quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này (sau đây gọi chung là Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng) có quy định riêng của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ, ngành Trung ương thì thực hiện theo văn bản quy định riêng đó.

Điều 3. Vị trí, chức trách

1. Trưởng phòng là chức danh quản lý, đứng đầu một phòng, đơn vị, có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của phòng, đơn vị; tham mưu lãnh đạo sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn thuộc phạm vi của phòng, đơn vị được giao phụ trách; chịu trách nhiệm trước lãnh đạo sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và trước pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Phó Trưởng phòng là chức danh quản lý, cấp phó của Trưởng phòng, giúp Trưởng phòng theo dõi một số mặt công tác chuyên môn, nghiệp vụ theo sự phân công của Trưởng phòng; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng theo Quy định này là căn cứ để Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quy hoạch công chức, viên chức giữ chức danh lãnh đạo; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với công chức, viên chức.

2. Người được xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng phải đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn tại Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Người được điều động, bổ nhiệm; được tiếp nhận vào công chức không qua thi tuyển; được xét chuyển từ cán bộ, công chức cấp xã thành công chức, viên chức từ cấp huyện trở lên để bổ nhiệm giữ chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng phải đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn tại Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH

TRƯỞNG PHÒNG, PHÓ TRƯỞNG PHÒNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG

Điều 5. Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống

1. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ của công chức, viên chức và quy định những điều công chức, viên chức không được làm.

2. Có tinh thần yêu nước, tận tụy phục vụ nhân dân, làm việc với tinh thần trách nhiệm, hiệu quả cao.

3. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư trong hoạt động công vụ; không cơ hội, vụ lợi, không tham nhũng, lãng phí và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác.

4. Có ý thức tổ chức kỷ luật, trung thực, thẳng thắn, có tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình; chấp hành nghiêm chỉnh sự phân công, điều động, luân chuyển của cấp có thẩm quyền.

5. Có tinh thần đoàn kết, dân chủ; có khả năng tập hợp, quy tụ và phát huy sức mạnh tập thể để xây dựng cơ quan, đơn vị trong sạch, vững mạnh.

6. Có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, giản dị; gắn bó mật thiết với nhân dân, được tập thể công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị, cấp ủy, chính quyền địa phương, nhân dân nơi cư trú tín nhiệm.

Điều 6. Hiểu biết, năng lực

1. Nắm vững tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương, phương hướng, nhiệm vụ của ngành, phòng, ban, đơn vị được phân công phụ trách. Có khả năng tham mưu, tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với lĩnh vực chuyên môn.

2. Có năng lực quản lý, điều hành thực hiện công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của phòng, ban, đơn vị và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; có khả năng quy tụ, đoàn kết, động viên, phát huy trí tuệ, sức mạnh tập thể để hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao; có phương pháp làm việc khoa học, có khả năng tổng hợp, phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ.

3. Có khả năng nghiên cứu, soạn thảo và xử lý văn bản, đề xuất các giải pháp về chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực được phân công.

4. Hiểu biết sâu về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực được bổ nhiệm.

Điều 7. Tiêu chuẩn chung

1. Đối với bổ nhiệm:

a) Có hồ sơ, lý lịch cá nhân đầy đủ, rõ ràng, được cơ quan có thẩm quyền xác minh;

b) Là công chức, viên chức có thời gian công tác chuyên môn thuộc lĩnh vực dự kiến được bổ nhiệm từ 03 năm trở lên, không tính thời gian tập sự, thử việc và được cấp thẩm quyền nhận xét, xếp loại trong ba năm gần nhất trước khi bổ nhiệm từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác).

c) Tuổi bổ nhiệm lần đầu không quá 55 tuổi đối với nam và không quá 50 tuổi đối với nữ;

Trường hợp công chức, viên chức đã thôi giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, sau thời gian công tác nếu được xem xét bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thì điều kiện về tuổi thực hiện như quy định bổ nhiệm lần đầu (trừ trường hợp thôi giữ chức vụ do sắp xếp tổ chức bộ máy);

d) Được quy hoạch vào chức vụ bổ nhiệm hoặc tương đương trở lên;

đ) Được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 năm liền kề gần nhất;

e) Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

g) Không trong thời gian bị thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc đang xem xét xử lý kỷ luật. Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định.

2. Đối với bổ nhiệm lại:

- a) Đảm bảo tiêu chuẩn quy định tại điểm a, e, g khoản 1 Điều này;
- b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong thời gian tới.
- c) Cơ quan, đơn vị có yêu cầu.

Điều 8. Trình độ

1. Tốt nghiệp đại học trở lên theo chuyên ngành, chuyên môn phù hợp với lĩnh vực công tác của vị trí, chức danh được bổ nhiệm.

2. Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính nhà nước ngạch chuyên viên trở lên hoặc có chứng nhận bồi dưỡng các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí, chức danh bổ nhiệm.

3. Có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp hoặc tương đương trở lên.

4. Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) của ít nhất một ngoại ngữ thông dụng (Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 2 (A2) trở lên.

Đối với vị trí, chức danh bổ nhiệm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc thiểu số thì thay thế bằng chứng nhận tiếng dân tộc thiểu số được cơ quan có thẩm quyền cấp.

5. Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện Quy định này.

Đối với các chức danh lãnh đạo khác ngoài những đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này:

- a) Cấp tỉnh: Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ xây dựng và ban hành tiêu chuẩn đối với chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, ban và tương đương thuộc chỉ cục, trung tâm, bệnh viện, trường học, trạm...

b) Cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ xây dựng và ban hành tiêu chuẩn đối với chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và tương đương thuộc phòng, ban chuyên môn cấp huyện.

2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để được hướng dẫn, giải quyết hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi bổ sung Quy định này cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cal
Nguyễn Tiến Hải